

Số: 279/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1985.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1986.

Cùng trú tại địa chỉ: A02.01 Chung cư T, phường Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015, Quyền số 01/2015 ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D là hợp pháp.

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020 có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng khai có một con chung tên Nguyễn Nguyên K; giới tính: nam; sinh ngày: 08/4/2016. Ông T và bà D thống nhất giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng), thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015 ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 21/9/2020).

Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng khai có một con chung tên Nguyễn Nguyên K; giới tính: nam; sinh ngày: 08/4/2016. Ông T và bà D thống nhất giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng), thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Đức T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo đúng thời hạn nêu trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bà D theo mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Đức T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng khai không có.

Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông Nguyễn Đức T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027902 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 08/9/2020. Ông T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự. Bà D không phải chịu lệ phí việc dân sự.

Các đương sự tự thực hiện hoặc thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga